HỒNG HÀ

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP SÔNG HỒNG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

ĐC: Phòng 206 - Cầu thang 3 - Đơn Nguyên 2 - Nhà CT1
KĐT Mỹ Đình - Mễ Trì - Từ Liêm - Hà Nội
ĐT: 04.2210 6523/24 * FAX: 04.3787 5332
Mail: hh.auditing@gmail.com * Website: hhauditing.com.vn

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban giám đốc	2 - 3
Báo cáo Kiểm toán	4
Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán	5 - 8
Báo cáo kết quả kinh doanh	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10
Thuyết minh báo cáo tài chính	11 - 23

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban giám đốc Công ty Cổ phần Thép Sông Hồng (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo Tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (giai đoạn từ 01/01/2011 đến 31/12/2011).

Công ty

Công ty Cổ phần Thép Sông Hồng là công ty Cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2600329294 của Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ. Đăng ký lần đầu ngày 03 tháng 06 năm 2005. Đăng ký thay đổi lần 4 ngày 26 tháng 07 năm 2010.

Công ty hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh:

1. Sản xuất, kinh doanh : Sắt, thép các loại;
2. Mua bán kim loại;
3. Sản xuất, kinh doanh vận tải, dịch vụ bốc dỡ hàng hóa, đường bộ, đường thủy;
4. Tái chế phế liệu, phế thải kim loại ./.

Các sự kiện sau ngày khoá sổ kế toán lập báo cáo tài chính

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện nào bất thường xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Hội đồng quản trị và Ban giám đốc tại thời điểm lập báo cáo tài chính gồm có:

Thành viên Hội đồng quản trị

Ông Lê Văn Chuyên	: Chủ tịch HĐQT
Ông Lê Đông Thành	: Ủy viên HĐQT
Ông Phạm Việt Cường	: Ủy viên HĐQT
Bà Đỗ Thị Lan	: Ủy viên HĐQT
Ông Nguyễn Ngọc Châu	: Ủy viên HĐQT

Thành viên của Ban giám đốc:

Ông Phạm Việt Cường	: Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Ngọc Quyết	: Phó Tổng giám đốc
Ông Nguyễn Ngọc Châu	: Phó Tổng giám đốc
Ông Cao Ngọc Ninh	: Phó Tổng giám đốc
Ông Ngũ Thành Tú	: Kế toán trưởng

Kiểm toán viên

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Thép Sông Hồng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Hồng Hà.

Công bố trách nhiệm của Ban giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban giám đốc chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;

- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định quan hiện hành;

- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Phú Thọ, ngày 19 tháng 05 năm 2012
TM. Ban Giám đốc
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP SÔNG HỒNG

TỔNG GIÁM ĐỐC
Phạm Việt Cường

HỒNG HÀ

CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN, TƯ VẤN KẾ TOÁN TÀI CHÍNH, THUẾ, ĐỊNH GIÁ

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN HỒNG HÀ

ĐC: Phòng 206 - Cầu thang 3 - Đơn Nguyên 2 - Nhà CT1
KĐT Mỹ Đình - Mễ Trì - Từ Liêm - Hà Nội
ĐT: 04.2210 6523/24 * Fax: 04.3787 5332
Email: hh.auditing@gmail.com * Web: hhauditing.com.vn

Số: 15 /BCKT/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

về Báo cáo Tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP SÔNG HỒNG

Kính gửi: Hội đồng quản trị và Ban giám đốc Công ty Cổ phần Thép Sông Hồng

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Thép Sông Hồng được lập ngày 31 tháng 12 năm 2011 gồm : Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 được trình bày từ trang 05 đến trang 23 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến :

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Những vấn đề ảnh hưởng đến ý kiến kiểm toán viên:

1. Chúng tôi không thể tham gia kiểm kê tài sản, hàng tồn kho tại thời điểm ngày 31/12/2011. Với những tài liệu hiện có và giới hạn về thời gian, chúng tôi chưa thể đưa ra ý kiến nhận xét về tính đúng đắn về giá trị và tính hiện hữu của khoản mục tiền mặt, tài sản cố định và hàng tồn kho cũng như ảnh hưởng của chúng tới các số liệu khác được trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011.

2. Đối với khoản công nợ chưa đối chiếu hoặc có chênh lệch giữa số liệu kế toán và đối chiếu tại thời điểm 31/12/2011 thì số dư tính trung thực của các khoản công nợ phụ thuộc vào tính trung thực, khách quan trong việc trình bày số liệu trên báo cáo tài chính của Ban giám đốc Công ty.

3. Công ty chưa phân loại, đánh giá và lập dự phòng các khoản nợ khó đòi theo Thông tư 228/2009/TT - BTC ngày 07/12/2009.

Ý kiến của Kiểm toán viên :

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng (nếu có) của những lý do nêu trên, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thép Sông Hồng tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Hà Nội, ngày 19 tháng 05 năm 2011

Công ty TNHH Kiểm toán Hồng Hà	**Kiểm toán viên**
CÔNG TY Tổng giám đốc	
Nguyễn Đăng Khanh	**Nguyễn Anh Tuấn**
Chứng chỉ KTV số: 1003/KTV	Chứng chỉ KTV số: 0948/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
	TÀI SẢN			
100	A - TÀI SẢN NGẮN HẠN		335.994.578.931	484.908.196.189
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền		2.968.467.627	29.079.125.117
111	1. Tiền	03	2.968.467.627	29.079.125.117
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	04	-	-
12*	1. Đầu tư ngắn hạn			
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)			
130	III. Các khoản phải thu		114.140.344.723	114.608.194.125
131	1. Phải thu khách hàng		106.625.573.110	108.959.135.799
132	2. Trả trước cho người bán		2.080.788.953	5.806.150.553
133	3. Phải thu nội bộ ngắn hạn			
134	4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng			
135	5. Các khoản phải thu khác	05	5.433.982.660	30.726.685
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)			(187.818.912)
140	IV. Hàng tồn kho		209.178.017.533	306.665.318.519
141	1. Hàng tồn kho	06	209.178.017.533	306.665.318.519
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)			
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		9.707.749.048	34.555.558.428
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		4.679.009.876	12.560.331
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		3.799.078.888	34.566.290.610
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	07		
157	4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ			
158	5. Tài sản ngắn hạn khác		1.229.660.284	(23.292.513)
200	B - TÀI SẢN DÀI HẠN		281.839.989.324	207.935.048.843
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-	-
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng			
212	2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	08		
213	3. Phải thu nội bộ dài hạn	09		
218	4. Phải thu dài hạn khác			
219	5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)			

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
220	**II. Tài sản cố định**		**195.247.477.937**	**196.597.379.336**
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	184.051.282.821	193.024.626.918
222	- Nguyên giá		207.792.796.816	207.420.450.496
223	- Giá trị hao mòn luỹ kế (*)		(23.741.513.995)	(14.395.823.578)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	11	-	-
225	- Nguyên giá			
226	- Giá trị hao mòn luỹ kế (*)			
227	3. Tài sản cố định vô hình	12	25.425.300	50.850.600
228	- Nguyên giá		76.275.900	76.275.900
229	- Giá trị hao mòn luỹ kế (*)		(50.850.600)	(25.425.300)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	13	11.170.769.816	3.521.901.818
240	**III. Bất động sản đầu tư**	**14**	**-**	**-**
241	- Nguyên giá			
242	- Giá trị hao mòn luỹ kế (*)			
250	**IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**		**-**	**-**
251	1. Đầu tư vào công ty con			
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh			
258	3. Đầu tư dài hạn khác	15		
259	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)			
260	**V. Tài sản dài hạn khác**		**86.592.511.387**	**11.337.669.507**
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	16	86.592.511.387	11.337.669.507
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	23		
268	3. Tài sản dài hạn khác			
270	**Tổng cộng tài sản**		**617.834.568.255**	**692.843.245.032**
	NGUỒN VỐN			
300	A - NỢ PHẢI TRẢ		**720.902.637.867**	**738.575.344.837**
310	**I. Nợ ngắn hạn**		**669.879.187.363**	**687.230.492.079**
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	17	530.234.910.306	446.724.725.112
312	2. Phải trả người bán		90.638.708.910	225.976.957.633
313	3. Người mua trả tiền trước		18.896.393.939	10.749.140.588
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	18	26.717.387.025	1.057.683.709
315	5. Phải trả người lao động		2.196.312.584	2.099.899.151
316	6. Chi phí phải trả	19	392.222.000	147.000.000
317	7. Phải trả nội bộ			
318	8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng			
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	20	803.252.599	475.085.886

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
317	7. Phải trả nội bộ			
318	8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng			
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	20	803.252.599	475.085.886
320	10. Dự phòng phải trả ngắn hạn			
323	11.Quỹ khen thưởng phúc lợi			
327	12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ			
330	**II. Nợ dài hạn**		**51.023.450.504**	**51.344.852.758**
331	1. Phải trả dài hạn người bán	21		
332	2. Phải trả dài hạn nội bộ			
333	3. Phải trả dài hạn khác	22	50.901.541.326	51.292.797.663
334	4. Vay và nợ dài hạn	23		
335	5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		121.909.178	52.055.095
336	6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm			
337	7. Dự phòng phải trả dài hạn			
338	8. Doanh thu chưa thực hiện			
339	9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ			
400	**B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU**		**(103.068.069.612)**	**(45.732.099.805)**
410	**I. Vốn chủ sở hữu**	24	**(103.068.069.612)**	**(45.732.099.805)**
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		116.400.000.000	116.400.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần			
413	3. Vốn khác của chủ sở hữu			
414	4. Cổ phiếu quỹ (*)			
415	5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản			
416	6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái			
417	7. Quỹ đầu tư phát triển			
418	8. Quỹ dự phòng tài chính			
419	9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu			
420	10 . Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(219.468.069.612)	(162.132.099.805)
421	11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản			
422	12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp			
430	**II. Nguồn kinh phí và quỹ khác**	25		
432	1. Nguồn kinh phí			
433	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ			
440	Tổng cộng nguồn vốn		617.834.568.255	692.843.245.032

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
1. Tài sản thuê ngoài	26		
2. Vật tư, hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công			
3. Hàng hoá nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			
4. Nợ khó đòi đã xử lý			
5. Ngoại tệ các loại			
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

Lập ngày 19 tháng 05 năm 2012

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng giám đốc
Ngũ Thành Tú		Phạm Việt Cường

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2011

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2011	Năm 2010
01	**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**	27	1.525.186.414.181	1.459.876.290.211
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	28	186.232.191.221	20.151.198.223
10	**3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ**	29	1.338.954.222.960	1.439.725.091.988
11	**4. Giá vốn hàng bán**	30	1.334.772.210.192	1.504.226.454.906
20	**5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ**		4.182.012.768	(64.501.362.918)
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	31	256.940.149	853.539.703
22	7. Chi phí tài chính	32	54.469.488.857	58.800.417.943
23	*- Trong đó: Chi phí lãi vay*		*32.569.537.696*	*51.539.651.384*
24	8. Chi phí bán hàng		12.465.927.897	10.951.249.433
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		11.722.408.147	11.234.885.920
30	**10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**		(74.218.871.984)	(144.634.376.511)
31	11. Thu nhập khác		20.412.521.446	16.045.884.922
32	12. Chi phí khác		1.474.696.753	3.959.605.230
40	**13. Lợi nhuận khác**		18.937.824.693	12.086.279.692
50	**14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**		(55.281.047.291)	(132.548.096.819)
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	33	-	-
60	**17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp**		(55.281.047.291)	(132.548.096.819)
70	**18. Lãi cơ bản trên cố phiếu**			

Lập, ngày 19 tháng 05 năm 2012

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng giám đốc
Ngũ Thành Tú		Phạm Việt Cường

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2011

Đơn vị tính : VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2011	Năm 2
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		1.434.146.381.856	1.804.869.243.021
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(1.381.289.502.842)	(2.164.697.033.136)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(20.135.766.658)	(13.283.154.011)
05	5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp		-	
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		87.612.161.450	144.289.799.069
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(116.242.371.474)	(15.729.398.141)
20	*Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh*		*(109.221.143.490)*	**(284.756.052.719)**
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
21	1.Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(8.742.857)	(816.781.818)
22	2.Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	
24	4.Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		-	
30	*Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư*		*(8.742.857)*	(816.781.818)
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
31	1.Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	21		
32	2.Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	21		
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		999.979.601.000	357.333.022.663
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(916.860.672.143)	(52.635.000.000)
35	5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính			-
40	*Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính*		*33.118.928.857*	19.125.188.126
50	**Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ**		(26.110.957.490)	19.125.188.126
60	**Tiền và tương đương tiền đầu kỳ**		29.079.125.117	9.953.936.991
61	ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ			
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	36	2.968.167.627	29.079.125.117

Lập, ngày 19 tháng 05 năm 2012

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Giám đốc
Ngũ Thành Tú		Phạm Việt Cường

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2011

1 - ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Thép Sông Hồng là Công ty Cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2600329294 của Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ. Đăng ký lần đầu ngày 03 tháng 06 năm 2005. Đăng ký thay đổi lần 4 ngày 26 tháng 07 năm 2010.

Trụ sở chính của Công ty tại: Phường Bạch Hạc, Thành phố Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ

Công ty có các đơn vị thành viên bao gồm các Xí nghiệp, Chi nhánh sau:

Ngành nghề kinh doanh:

1. Sản xuất, kinh doanh: Sắt, thép các loại;

2. Mua bán kim loại;

3. Sản xuất, kinh doanh vận tải, dịch vụ bốc dỡ hàng hóa, đường bộ, đường thủy;

4. Tái chế phế liệu, phế thải kim loại.

Kinh doanh chế tạo, lắp dựng các sản phẩm kết cấu thép, thiết bị phi tiêu chuẩn, giàn không gian;

2 - CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY:

Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung

Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế (hoặc TGBQLNH) tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm.

Các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định:

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn luỹ kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (không bao gồm thuế GTGT) và các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến TSCĐ thuê tài chính. Trong quá trình sử dụng, TSCĐ thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn luỹ kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc:	8 - 20 năm
- Máy móc, thiết bị:	7 - 12 năm
- Phương tiện vận tải:	6 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng:	6 - 8 năm
- Các tài sản khác:	4 - 25 năm

TSCĐ thuê tài chính được trích khấu hao như TSCĐ của Công ty. Đối với TSCĐ thuê tài chính không chắc chắn sẽ được mua lại thì sẽ được tính trích khấu hao theo thời hạn thuê khi thời hạn thuê ngắn hơn thời gian sử dụng hữu ích của nó.

Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư:

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình nắm giữ chờ tăng giá, hoặc cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá,hao mòn luỹ kế và giá trị còn lại.

Bất động sản đầu tư được tính, trích khấu hao như TSCĐ khác của Công ty.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính:

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh theo thay đổi của phần sở hữu của công ty trong tài sản thuần của Công ty liên doanh. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần luỹ kế của Công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

Hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và tài sản đồng kiểm soát được Công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên trong liên doanh theo hợp đồng liên doanh.

- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh.

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền".

- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn.

- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay:

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Tỷ lệ vốn hoá chi phí lãi vay trong kỳ là:.....%

Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước:

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại thì được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Chi phí thành lập.
- Chi phí trước hoạt động/ chi phí chuẩn bị sản xuất (bao gồm các chi phí đào tạo)
- Chi phí chuyển địa điểm, chi phí tổ chức lại doanh nghiệp.
- Chi phí chạy thử có tải, sản xuất thử phát sinh lớn.
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn.
- Lỗ chênh lệch tỷ giá của giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản.
- Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ phát sinh một lần quá lớn.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả:

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có số chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả:

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm hoặc tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đó lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu:

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này và không bổ sung vốn kinh doanh từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng:

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá đã được chuyển giao cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá như người sở hữu hàng hoá hoặc quyền kiểm soát hàng hoá.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ:

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thoả mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán.
- Xác định được chi phí phát sinh chi giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính:

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thoả mãn đồng thời hai (2) điều kiện:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Phần công việc hoàn thành của Hợp đồng xây dựng làm cơ sở xác định doanh thu được xác định theo phương pháp tỷ lệ % giữa chi phí thực tế đã phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại một thời điểm so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng *(hoặc theo phương pháp đánh giá phần công việc đã hoàn thành/hoặc theo phương pháp tỷ lệ % giữa khối lượng xây lắp đã hoàn thành so với tổng khối lượng xây lắp phải hoàn thành của Hợp đồng)*

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Các nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái

Nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái được Công ty áp dụng cho một số khoản vay, công nợ phải trả theo hình thức ký hợp đồng "hoán đổi lãi suất" với ngân hàng, hoặc hợp đồng "mua bán ngoại tệ có kỳ hạn".

Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

3 - TIỀN

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
- Tiền mặt	1.788.061.399	929.217.976
- Tiền gửi ngân hàng	1.180.406.228	28.149.907.141
- Tiền đang chuyển	-	-
Cộng	2.968.467.627	29.079.125.117

Chi tiết tiền gửi ngân hàng tại thời điểm 31/12/2011	Số dư tiền gửi
Ngân hàng Đầu tư & Phát Triển Phú Thọ	7.235.262
Ngân hàng HD BANK Trung Hoà - Hà Nội	865.176.250
Ngân hàng TMCP Quốc tế	201.659.027
Ngân hàng SHB - CN Hà Nội	57.074.044
Ngân hàng Habubank	3.907.696
Ngân hàng Hàng Hải Việt Nam	44.131.428
Ngân hàng Kỹ thương Việt Nam	1.222.521
Tổng cộng	1.180.406.228

4 - CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN *(không có số liệu)*

5 - CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
- Phải thu khác	5.433.982.660	30.726.685
Cộng	5.433.982.660	30.726.685

6 - HÀNG TỒN KHO

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
- Hàng mua đang đi đường	-	-
- Nguyên liệu, vật liệu	55.195.841.815	32.961.023.972
- Công cụ, dụng cụ	448.570.526	508.293.874
- Chi phí, sản xuất kinh doanh dở dang	-	-
- Thành phẩm	125.176.053.597	216.816.541.529
- Hàng hoá	27.075.860.371	56.379.459.144
- Hàng gửi đi bán (Công ty CP ĐT & TM SteelTec Hà Nội)	1.281.691.224	-
Cộng giá gốc hàng tồn kho	209.178.017.533	306.665.318.519

* Ghi nhận và hạch toán lãi chậm thanh toán tiền mua phôi thép phát sinh trong năm vào giá thành sản phẩm sản xuất trong kỳ

7 - THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC *(không có số liệu)*

8 - PHẢI THU DÀI HẠN NỘI BỘ *(không có số liệu)*

9 - PHẢI THU DÀI HẠN KHÁC *(không có số liệu)*

10 - TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH:

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Tổng cộng
Nguyên giá						
1. Số dư đầu kỳ	43.548.146.609	160.256.590.447	3.270.986.109	344.727.331	-	207.420.450.496
2. Số tăng trong kỳ	-	412.272.727	-	12.454.545	-	424.727.272
- Mua trong kỳ		*412.272.727*		*12.454.545*		*424.727.272*
- Đầu tư XDCB hoàn thành						-
- Tăng khác (chuyển từ TSCĐ thuê TC)						-
3. Số giảm trong kỳ	52.380.952	-	-	-	-	52.380.952
- Thanh lý, nhượng bán						-
- Giảm khác	*52.380.952*					*52.380.952*
4. Số dư cuối kỳ	43.495.765.657	160.668.863.174	3.270.986.109	357.181.876	-	**207.792.796.816**
Giá trị hao mòn luỹ kế						
1. Số dư đầu kỳ	4.631.714.870	8.421.563.466	1.193.275.212	149.270.030	-	14.395.823.578
2. Số tăng trong kỳ	2.088.767.334	6.831.177.923	327.363.564	98.381.596	-	9.345.690.417
- Khấu hao trong kỳ	*2.088.767.334*	*6.831.177.923*	*327.363.564*	*98.381.596*		*9.345.690.417*
- Tăng khác						-
3. Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
- Chuyển sang BĐS đầu tư						-
- Thanh lý, nhượng bán						-
- Giảm khác						-
4. Số dư cuối kỳ	6.720.482.204	15.252.741.389	1.520.638.776	247.651.626	-	**23.741.513.995**
Giá trị còn lại						
1. Tại ngày đầu kỳ	38.916.431.739	151.835.026.981	2.077.710.897	195.457.301	-	**193.024.626.918**
2. Tại ngày cuối kỳ	36.775.283.453	145.416.121.785	1.750.347.333	109.530.250	-	**184.051.282.821**

11 - TĂNG, GIÁM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH: *(không có số liệu)*

12 - TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH: *(không có số liệu)*

13 - CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG:

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
- Xây dựng cơ bản dở dang	11.170.769.816	-
- Mua sắm TSCĐ	-	3.363.132.294
- Sửa chữa lớn TSCĐ	-	158.769.524
Cộng	**11.170.769.816**	**3.521.901.818**

Công ty đang ghi nhận chi phí xây dựng nhà điều hành trên TK 241-Chi phí xây dựng cơ bản dở dang; tuy nhiên thực tế công trình này đã đưa vào sử dụng nhưng chưa thực hiện quyết toán công trình, Công ty chưa tạm xác định Nguyên giá tài sản và trích khấu hao đối với tài sản này theo hướng dẫn của thông tư 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ tài chính.

14 - TĂNG GIẢM BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ: *(không có số liệu)*

15 - ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC: *(không có số liệu)*

16 - CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
- Chi phí trả trước về thuê hoạt động tài chính	-	-
- Chi phí thành lập doanh nghiệp	-	-
- Chi phí cho giai đoạn triển khai không đủ tiêu chuẩn ghi nhận là TSCĐ vô hình	-	-
- Chi phí trả trước dài hạn khác	86.592.511.387	11.337.669.507
Cộng	**86.592.511.387**	**11.337.669.507**

17 - VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
- Vay ngắn hạn	**530.234.910.306**	**446.724.725.112**
Ngân hàng SEABANK	*97.239.706.712*	*100.000.000.000*
Ngân hàng HD BANK	*83.040.000.000*	*47.800.000.000*
Ngân hàng VIB	*64.063.000.000*	*99.829.021.512*
Ngân hàng SHB	*255.892.203.594*	*199.095.703.600*
Ngân hàng Hàng hải	*30.000.000.000*	-
- Nợ dài hạn đến hạn trả	-	-
Cộng	**530.234.910.306**	**446.724.725.112**

18 - THUẾ VÀ KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
- Thuế giá trị gia tăng	24.518.937.363	-
- Thuế thu nhập cá nhân	43.065.662	-
- Thuế nhà đất và tiền thuê đất	2.155.384.000	979.720.000
- Các loại thuế khác	-	77.963.709
Cộng	**26.717.387.025**	**1.057.683.709**

19 - CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
- Trích trước chi phí tiền lương trong thời gian nghỉ phép		
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định		
- Chi phí phải trả khác	392.222.000	147.000.000
Cộng	**392.222.000**	**147.000.000**

20 - CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
- Tài sản thừa chờ xử lý	373.946.623	16.080.530
- Kinh phí công đoàn	15.758.678	72.740.508
- Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế	168.779.048	65.135.553
- Bảo hiểm y tế	36.951.091	57.398.787
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	207.817.159	263.730.508
Cộng	**803.252.599**	**475.085.886**

21 - PHẢI TRẢ DÀI HẠN NỘI BỘ *(Không có số liệu)*

22 - VAY DÀI HẠN VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Vay dài hạn	**4.683.808.326**	**5.075.064.663**
- Vay ngân hàng	4.683.808.326	5.075.064.663
Nợ dài hạn	**46.217.733.000**	**46.217.733.000**
- Nợ dài hạn khác	46.217.733.000	46.217.733.000
Cộng	**50.901.541.326**	**51.292.797.663**

23 - TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOÃN LẠI VÀ THUẾ THU NHẬP HOÃN LẠI PHẢI TRẢ (*không có số liệu*)

24 - VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn góp cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Chênh lệch ĐG lại T sản	Cộng
Số dư đầu kỳ trước	116.400.000.000	-		-	-		(29.679.898.810)		86.720.101.190
- Tăng vốn trong kỳ trước		-					-		-
- Lãi trong kỳ trước									-
- Tăng khác					-				-
- Giảm vốn trong kỳ trước		-							-
- Lỗ trong kỳ trước							132.548.096.819		132.548.096.819
- Giảm khác				-	-				-
Số dư cuối kỳ trước	116.400.000.000	-	-	-	-	-	(162.227.995.629)	-	(45.827.995.629
- Tăng vốn trong kỳ nay		-						-	-
- Lãi trong kỳ này									-
- Tăng khác				-	-				-
- Giảm vốn trong kỳ này	-	-							-
- Lỗ trong kỳ này							55.281.047.291		55.281.047.291
- Giảm khác				-	-				-
Số dư cuối kỳ này	116.400.000.000	-	-	-	-	-	(217.509.042.920)	-	(101.109.042.920

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2011 VND		01/01/2011 VND	
	VNĐ	*%*	VNĐ	%
- Vốn góp của Tổng Công ty Sông Hồng	102.000.000.000	88%	102.000.000.000	88%
- Vốn góp của các đối tượng khác	14.400.000.000	12%	14.400.000.000	12%
Cộng	116.400.000.000	100%	116.400.000.000	100%

25 - NGUỒN KINH PHÍ *(không có số liệu)*

26 - TÀI SẢN THUÊ NGOÀI *(không có số liệu)*

Giá trị tài sản thuê ngoài

27 - TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Doanh thu bán hàng	1.525.186.414.181	1.459.876.290.211
Doanh thu cung cấp dịch vụ		
Doanh thu hợp đồng xây dựng	-	-
Cộng	1.525.186.414.181	1.459.876.290.211

28 - CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Chiết khấu thương mại	*7.671.169.437*	*16.968.221.700*
Giảm giá hàng bán	*24.097.500*	*58.000.000*
Hàng bán bị trả lại	178.536.924.284	*3.124.976.523*
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	
Thuế xuất khẩu	-	
Cộng	186.232.191.221	*20.151.198.223*

29 - DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Doanh thu thuần sản phẩm, hàng hoá	1.338.954.222.960	1.439.725.091.988
Doanh thu thuần dịch vụ		
Doanh thu thuần hợp đồng xây dựng		
Cộng	1.338.954.222.960	1.439.725.091.988

30 - GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Giá vốn của hàng hoá đã bán		
Giá vốn của thành phẩm đã bán	1.334.772.210.192	1.504.226.454.906
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp		
Hao hụt, mất mát hàng tồn kho		
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		
Cộng	1.334.772.210.192	1.504.226.454.906

31 - DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	256.940.149	853.539.703
Cộng	256.940.149	853.539.703

32 - CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Lãi tiền vay	32.569.537.696	51.539.651.384
Chi phí tài chính khác	21.899.951.161	7.260.766.559
Cộng	54.469.488.857	58.800.417.943

33 - CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH *(Không có số liệu)*

34 - CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOÃN LẠI *(Không có số liệu)*

35 - CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ *(Không có số liệu)*

36 - CÁC GIAO DỊCH KHÔNG BẰNG TIỀN ẢNH HƯỞNG ĐẾN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ VÀ CÁC KHOẢN TIỀN DO DOANH NGHIỆP NẮM GIỮ NHƯNG KHÔNG ĐƯỢC SỬ DỤNG

37 - NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

a.Thông tin về các bên liên quan

b. Một số chỉ tiêu đánh giá tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
1. Bố trí cơ cấu tài sản và nguồn vốn		
1.1- Bố trí cơ cấu tài sản (%)		
- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	45,62%	30,01%
- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	54,38%	69,99%
1.2- Bố trí cơ cấu nguồn vốn (%)		
- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	116,68%	106,60%
- Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	-16,68%	-6,60%
2. Khả năng thanh toán		
2.1- Khả năng thanh toán hiện hành (lần)	0,86	0,94
2.2- Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn (lần)	0,50	0,71
2.3- Khả năng thanh toán nhanh (lần)	0,00	0,04

3. Tỷ suất sinh lời

3.1- Tỷ suất sinh lời trên doanh thu thuần (%)		
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần	-4,13%	-9,21%
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	-4,13%	
3.2- Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản (%)		
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	-8,95%	-19,13%
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	-8,95%	-19,13%
3.3- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn đầu tư của chủ sở hữu	-47,49%	-113,87%

c. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 do đơn vị lập, chưa được điều chỉnh theo kiểm toán.

d. Thông tin khác

(*):Báo cáo kiểm toán được lập trên cơ sở giả định Công ty Cổ phần Thép Sông Hồng hoạt động liên tục bởi chỉ tiêu vốn chủ sở hữu tại ngày 31/12/2011 là âm 103.068.069.612 đồng nên có sự nghi ngờ khả năng tiếp tục hoạt động của Công ty.

(*):Trong kỳ không có nghiệp vụ nào phát sinh làm ảnh hưởng đến chỉ tiêu Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại ngày 31/12/2011 ngoài khoản Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên tại thời điểm ngày 31/12/2011 khoản lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp trên Bảng báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh chưa phản ánh đầy đủ trên chỉ tiêu Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (chênh lệch thừa so với chỉ tiêu Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đầu kỳ trên Bảng cân đối kế toán số tiền là: 95.895.825 đồng, cuối kỳ số tiền là: 1.959.026.692 đồng) và đơn vị chưa giải trình được nguyên nhân chênh lệch trên.

(*):Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Tập đoàn Công nghiệp Xây dựng Việt Nam tại cuộc họp xử lý cuộc họp xử lý các vấn đề tồn tại tài chính của Công ty Cổ phần Thép Sông Hồng, hiện nay Tổng Công ty đã thành lập ban chỉ đạo phối hợp với Công ty Cổ phần Thép Sông Hồng để xử lý vấn đề tài chính tại Công ty này đó là làm việc với các Ngân hàng có dư nợ vay của Công ty để cơ cấu lại các khoản nợ vay ngắn hạn sang vay dài hạn sang vay dài hạn và đề nghị Ngân hàng miễn giảm lãi phạt, phí phạt chậm trả, giảm lãi suất vay đối với những khế ước chưa đến hạn, ưu tiên thu hồi nợ gốc trước để giảm bớt khó khăn cho Công ty Cổ phần Thép Sông Hồng. Vì vậy mà Công ty chưa phản ánh đầy đủ lãi vay vào kết quả kinh doanh năm 2011.

Lập, ngày 19 tháng 05 năm 2012

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Giám đốc
		CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP SÔNG HỒNG
Ngũ Thành Tú		Phạm Việt Cường